

Ban Dự án Hà Nội Tôì Yêu

© HDINVESTMENT.JSC

Đại Lễ 1000 năm Thăng Long – Hà Nội

Tập 2



# Văn hoá Hà Nội

Chịu trách nhiệm: Đinh Tiến Hoàng | Biên tập: Nông Thị Minh Ngọc | Hiệu đính: Bùi Quang Tú

2010

# Thư ngỏ

Hà Nội luôn là một địa danh văn hóa, kinh tế, chính trị của cả nước. Tìm hiểu các thông tin về kinh tế, văn hóa, giải trí... của Hà Nội luôn là một nhu cầu thiết yếu của nhiều tầng lớp nhân dân. Bên cạnh đó, năm 2010 là năm quan trọng, với rất nhiều những dịp lễ kỷ niệm lớn, đặc biệt là đại lễ 1000 năm Thăng Long. Đây là một cột mốc văn hóa, lịch sử được quan tâm của cả trong và ngoài nước. Đó chính là lí do chúng tôi lựa chọn chủ đề về Hà Nội để định hướng nội dung cho dự án chuỗi website Hà Nội.

Dự án chuỗi website về Hà Nội mang tên **Hà Nội Tôi Yêu** được công ty CP ĐT Hoàng Đạt triển khai thực hiện từ tháng 2 năm 2010. Với những nỗ lực, tâm huyết và tình yêu dành cho Hà Nội, các thành viên ban dự án đã cho ra những sản phẩm văn hóa gây được ấn tượng với độc giả yêu Hà Nội.

Đại Lễ 1000 năm Thăng Long đang đến rất gần, dự án cũng đang đi vào giai đoạn gấp rút hoàn thành để hòa chung không khí của ngày Đại Lễ.

Dự án là một bức tranh tổng thể, đi từ những sự kiện gắn với Đại Lễ, cũng như những góc sâu trong tâm hồn Hà Nội, những nếp sống, những cảm xúc của người Hà Nội.

Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện chuỗi website về Hà Nội, Ban dự án còn cho ra mắt những ấn phẩm về Hà Nội. Chúng tôi đã dành nhiều tâm huyết để xây dựng Tủ sách Hà Nội với những ấn phẩm điện tử được tặng miễn phí cho quý bạn đọc. Chúng tôi hi vọng những tâm huyết này sẽ mang lại cho quý bạn đọc yêu Hà Nội những điều thú vị.

Tư liệu chúng tôi sử dụng để thực hiện những ấn phẩm này hoàn toàn được sưu tầm và biên tập từ các nguồn trên Internet nên không tránh được những thiếu sót. Một số tư liệu do lấy ở các nguồn thứ cấp, nên chúng tôi không thể trích dẫn nguồn đầy đủ. Chúng tôi mong nhận được sự thông cảm từ các tác giả.

*Xin chân thành cảm ơn và mong nhận được những góp ý từ phía bạn đọc!*

**Ban dự án**

## Mục Lục

Từ Thăng Long đến Hà Nội.....	4
Thành phố sông hồ.....	11
Hà Nội thuở khai thiên lập địa.....	13
Hà Thành thanh lịch.....	16
Trang phục người Hà Nội.....	18
Tiếng Hà Nội: Cho ngày nay, cho ngày mai, cho muôn đời sau.....	22
Khai bút tân xuân và tranh Tết.....	26
Mâm ngũ quả ngày tết.....	28
Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội ngày nay.....	30
Thăng Long - Hà Nội: "Nơi đô hội trọng yếu để bốn phương tụ họp".....	34
Nghề "độc nhất vô nhị" đất Hà Thành.....	37
Làng cổ Nghi Tàm, nơi lưu giữ những nét văn hóa Thăng Long.....	40
"Hồn" chợ phiên phố thị.....	43
Đến Tết lại nhớ bánh tẻ.....	46
Cổ Đô - "làng họa sĩ" quê tôi.....	48
Thủy sinh, thú chơi của người Hà Nội.....	50
Nửa thế kỷ "nuôi" điệu trống quân.....	52
Về Tân Hội nghe hát chèo Tàu.....	54
Trên con đường ven sông Hồng.....	57
Nghề giấy Bưởi.....	59
Nét trang nhã trong trang phục người Hà Nội xưa.....	61
Tế Tiêu, làng cổ bên sông Đáy.....	65
Chơi cá đất Hà thành - thú chơi có bề dày lịch sử.....	68
Áo dài phố cổ vẫn giữ vẻ đẹp xưa.....	71
Để mãi là "người đẹp Tràng An".....	73

## Từ Thăng Long đến Hà Nội

Sau khi Quang Trung mất, con trai còn nhỏ tuổi, nhà Tây Sơn suy yếu nhanh chóng vì nhiều nguyên nhân, trong đó một phần chính là do những mâu thuẫn nội bộ.

Nguyễn Ánh, con cháu các chúa Nguyễn vốn đã cát cứ ở miền Nam từ thời Trịnh-Nguyễn phân tranh chia cắt đất nước, đến giai đoạn này, lợi dụng tình thế, chuyển sang thế phản công, đánh lại quân Tây Sơn giành lấy đất nước từng phần một.

Ngày 16/6/1802, với binh khí và sĩ quan cố vấn Pháp giúp đỡ, hai đạo thủy bộ tiên phong của Nguyễn Ánh rời Phú Xuân tiến ra Bắc và đúng 1 tháng sau, ngày 15/7/1802, quân Nguyễn hạ thành Thăng Long.



Sau khi diệt nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi Vua, trở thành Hoàng đế Gia Long, đã thi hành một chính sách trả thù rất tàn bạo, không chỉ với anh em nhà Tây Sơn, mà ngay cả với những danh sĩ từng hợp tác với nhà Tây Sơn chống xâm lăng, thống nhất đất nước, cũng bị thẳng tay triệt hạ.

Ngô Thì Nhậm, một sĩ phu Bắc Hà nổi tiếng, người có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh và sau đó phụ trách công việc ngoại giao, góp phần quan trọng loại bỏ nguy cơ chiến tranh tiếp tục, cuối cùng khi Nguyễn Ánh lên ngôi, cũng bị bắt nọc ra đánh nhục nhã giữa sân Văn Miếu, để lại đến ngày nay hai vế câu đối.

Câu cửa Đặng Trần Thường ngạo mạn, nhỏ nhen, vênh mặt xướng: “Ai công hầu, ai khanh tướng, trung thần ai, ai đã biết ai”

Hôm ấy, Ngô Thì Nhậm đã khẳng khái đối lại: “Thế chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế, thế thời vẫn thế”

Nhà nho trung dũng đã bị đánh đến chết khi cáng về quê.

Đã bước lên ngai vàng, nhưng còn sợ phản ứng của nhân dân và những nhân sĩ trung thành với nhà Lê cũ hoặc có cảm tình với nhà Tây Sơn mới qua, nên Nguyễn Ánh không định đô ở Thăng Long như trước, mà chọn một nơi trung độ xa Hà Nội và cũng xa Sài Gòn-Gia Định, để lập kinh đô mới ở Thuận Hóa được gọi bằng cái tên thông dụng là Huế.

Tuy không còn là kinh đô- trung tâm chính trị, quân sự, văn hóa, nhưng Thăng Long với cái tên mới là Hà Nội vẫn là trung tâm văn hóa lớn nhất nước.



Bước đầu, vị Vua nhà Nguyễn thứ nhất chưa dám xóa tên Thăng Long nhưng đã hạ lệnh không được viết chữ Hán Long là rỗng, mà phải viết chữ Long khác nét, chỉ có nghĩa là thịnh.

Cái tên Thăng Long có nghĩa rất tự hào là rỗng bay, bị xóa đi không dùng, với cái lý do Rỗng là tượng trưng cho Vua, nhưng nay Vua đã thiên đô vào Huế, thì chữ Long trong từ Thăng Long cũng không được viết là Rỗng nữa.

Đây là quyết định bước đầu của Vua nhà Nguyễn thứ nhất (Gia Long). Còn đến đời Vua thứ hai (Minh Mạng), thì tên Thăng Long bị xóa hẳn (từ năm 1831), thay bằng tên “Hà Nội”, với cái nghĩa bình thường chỉ là thành phố trong sông.

Không chỉ bằng lòng với việc xóa bỏ cái tên Thăng Long trên danh hiệu, mà ngay năm 1804, hai năm sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã ra lệnh phá bỏ Hoàng thành cũ và năm sau, 1805, cho xây chồng lên thành cũ một tòa thành mới theo kiểu Vauban của Pháp, với quy mô nhỏ hơn cho tương xứng với vị trí một trấn thành không phải là kinh đô.

Việc phá thành xưa đã tạo nên nỗi ngậm ngùi của bà huyện Thanh Quan đứng nhìn “lối xưa xe ngựa hồn thu thảo/ Nền cũ lâu đài bóng tịch dương”.

Thành Hà Nội thời Nguyễn hình vuông, mở 5 cửa: Bắc, Đông, Tây, Đông Nam, Tây Nam.

Ngoài mỗi cửa thành có một đoạn dương mã thành (còn gọi là mang cá) là một loại công sự gồm hai bức tường xây vuông góc để bảo vệ cửa thành ở phía ngoài. Mỗi dương mã thành này lại có một ngách rộng chừng 4 m (1 trượng), phải qua cửa này mới vào được cửa chính. Từ ngoài đi vào, phải qua 2 cầu (cầu Giấy và cầu Đông).

Bên trong thành, ở vị trí trung tâm là Điện Kính Thiên. Điện chỉ mở khi vua từ Kinh đô Huế ra Bắc khi ngự giá Bắc tuần hoặc tiếp sứ thần Trung Quốc sang. Trước Điện Kính Thiên có Cửa Đoan Môn, nhìn thẳng ra Kỳ Đài (cột cờ) xây năm 1812. Cột cờ cao 60 thước, bằng gạch gốm, gồm 3 cấp: cấp dưới mỗi bề dài 42m, cấp trên cùng mỗi bề 15m.

Góc Đông Bắc có lầu Tĩnh Bắc, sau chuyển thành nhà giam.

Phía Nam (cạnh vườn hoa Chí Linh bây giờ) có chuồng voi và ao tắm.

Phía Đông là Dinh quan Tổng đốc, Đề đốc, Tuần phủ.

Phía Tây là Dinh quan Bố chánh và các kho vũ khí, lương thực.

Rải rác trong thành có nhiều nhà tranh dùm làm trại lính.

Do không còn là kinh đô, nên thành Hà Nội thời Nguyễn đã không còn vẻ lộng lẫy như ở các triều vua trước.

Chỉ có một xưởng đúc tiền lớn, đặt tại trung tâm thành phố, gọi là lục Bảo Tuyền, với cơ sở sản xuất chính là một Tràng, nên gọi là Tràng tiền trong ngôn ngữ dân gian.

Khu vực Văn Miếu-Quốc Tử Giám từ trước vốn là nơi tụ hội, trọ học của giới nho sinh.

Đầu thời Tự Đức, dân sở tại lập bên Hồ Văn ở phía trước Văn Miếu một quán trọ học, gọi là Quán Anh Đồ. Ca dao có câu hát:

Yếm trắng vãi nước Văn Hồ/ Vãi đi vãi lại, anh đồ yêu thương.

Dưới thời Nguyễn, kinh đô đã chuyển vào Phú Xuân (Huế) nên các kỳ thi tiến sĩ không tổ chức ở Thăng Long nữa. Trường thi Hà Nội chỉ mở cho các kỳ thi tuyển cử nhân.

Trường thi Hà Nội được lập từ thời Minh Mạng (1837) có diện tích rộng 20 mẫu 3 sào 4 thước 3 tấc 5 phân đặt tại thôn Bích Lưu, huyện Thọ Xương, nay là khuôn viên Thư viện Quốc gia thuộc quận Hoàn Kiếm- còn có tên gọi là Tràng Thi.

Kỳ thi cuối cùng vào năm 1879. Từ năm 1882, sĩ tử Hà Nội phải xuống thi Hương ở Nam Định, bởi Hà Nội đã bị triều đình ký làm nhượng địa cho Pháp.

**Sưu tầm**

Tailieu.vn

## Thành phố sông hồ

Nét địa lý đặc trưng từ ngàn xưa của Hà Nội là thành phố sông hồ. Đất Hà Nội là đất bãi do phù sa sông Hồng bồi đắp mà nên. Nhưng sự bồi đắp qua ngàn vạn năm ấy đã diễn ra không đơn giản...

Rừng rậm - đầm lầy

Theo tài liệu của Ủy ban Nghiên cứu dao động mức nước đại dương thế giới, cách nay bốn nghìn năm, nước biển cao trên 3,5m so với mực nước biển hiện nay, nhưng chỉ một nghìn năm sau, mực nước lại xuống thấp dưới mực nước biển hiện nay 3m.



Trong "Tang thương ngẫu lục", Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án đã viết: "Thương hải biến vi tang điền" - biển xanh biến thành bãi dâu xanh. Nước biển không giữ nguyên một mực; đất có lúc nâng lên, sụt xuống. Biển lui và sông bồi tích phù sa, vịnh biển Hà Nội cạn dần: xuất hiện những dải đất và những đầm lầy.

Có đầm lầy nên có cá sấu, thường luồng, rùa, giải... Rùa vàng thời Thục Phán và thời Lê Lợi. Hiện ở hồ Gươm vẫn còn loài rùa quý. Cá sấu còn sót ở bến sông Hồng hồi thế kỷ XIII, khiến vua Trần sai Hàn Thuyên soạn "Văn tế cá sấu".

Có đất nên cỏ cây mọc thành rừng rậm với nhiều thú dữ. Chính sử còn chép rành rành: voi rừng về Tây Hồ thời Lý, hổ rừng về quần quanh khu vực chùa Diên Hựu thời Lê.

Các cuộc khai quật ở Dục Tú, Tiên Hội (Đông Anh), Vĩnh Ninh, Văn Điển (Thanh Trì) đã tìm thấy nhiều răng voi, nanh hổ, gạc hươu, răng lợn lòi... có tuổi 3.000 - 4.000 năm. Rừng bàng Yên Thái là một trong "Tây hồ bát cảnh" thời Lê; rừng gỗ tầm giữa bán đảo hồ Tây; rừng tre ngà viền một dải sông Tô và rừng nứa đền Voi Phục thì sử cũ cũng còn ghi lại. Và những tên đất cổ: Bồ Đề, Gia Lâm (rừng đũa), Du Lâm (rừng dâu da), Mai Lâm



(rừng mơ, rồi cả Mai Động, Bạch Mai, Hoàng Mai, Hồng Mai, Tương Mai), Văn Lâm, Trường Lâm, Đông Ngàn... toàn là rừng xanh tốt.

Chứng tích rõ nhất của thời kỳ rừng rậm - đầm lầy Hà Nội cổ là những dải than bùn xếp lớp dưới lòng đất. Than bùn Dịch Vọng (Cầu Giấy) có chỗ dày tới 4m, nằm ở độ cao xấp xỉ mực nước biển trở xuống. Mỏ than bùn Lỗ Khê (Đông Anh) chạy dài tới vài kilômét. Có rừng rậm, đầm lầy cộng với động đất và giông tố thì mới có than bùn. Phủ lên trên càng nhẹ dần tới đất thịt. Di tích của đời sống con người nằm ở lớp đất này.

Thành phố sông hồ

Nét địa lý đặc trưng từ ngàn xưa của Hà Nội đó là thành phố sông hồ. Đất Hà Nội là đất bãi do phù sa sông Hồng bồi đắp mà nên. Nhưng sự bồi đắp qua ngàn vạn năm ấy đã diễn ra không đơn giản: có đời sống du canh tự nhiên của những con sông ở đồng bằng - chúng đổi dòng, và có sự can thiệp của con người. Thục Phán đắp lũy thành Cổ Loa cũng là đắp đê phòng lụt.

Theo cổ sử Trung Hoa thì hồi đầu Công nguyên, ở huyện Phong Khê (nay gồm cả đất huyện Đông Anh) đã có đê. Đê làm cho quá trình bồi tụ tự nhiên bị ngăn lại từng phần. Những lần đổi dòng của sông Hồng đã để lại nhiều hồ hình móng ngựa hay những dải đầm kế tiếp xen kẽ với những dải cát của dòng sông cũ.

Xem các bản đồ Hà Nội từ thời xa xưa cho đến giữa thế kỷ trước, thì thấy lãnh thổ của nó là một vùng đầm lầy, nửa đất nửa nước. Quy hoạch Hà Nội cổ là tuân theo và thích ứng đến mức tối đa cái hình thể tự nhiên sông hồ đó. Phần lãnh thổ chủ yếu của kinh thành xưa là phần đất bồi, được bao bọc bởi sông Hồng ở phía Bắc và phía Đông, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu ở phía Tây và phía Nam.

Lũy bọc ngoài là thành mà cũng là đê, đường giao thông (La Thành). Sông hồ Hà Nội vừa là nguồn nước dùng trong sinh hoạt, là hệ thống thủy lợi và giao thông truyền thống, và cũng là những yếu tố địa lý được dùng làm nguyên lý sơ khởi chỉ đạo việc quy tụ xóm làng, phố phường và thành lũy phòng vệ. Sông Hồng, sông Tô là những trục chủ đạo; hồ Tây, hồ Gươm là những điểm trung tâm, để từ đó tỏa ra "phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ".

**Sưu tầm**

## Hà Nội thuở khai thiên lập địa

Hà Nội, một địa điểm ở phía dưới ngã ba sông Hồng và sông Đuống, chỉ là tên mới đặt từ năm 1831. Trước đó, trong suốt thời gian dài hơn 800 năm, miền Hà Nội mang một tên gọi đẹp là Thăng Long.

Đất đai Hà Nội sinh thành gắn liền với sự hình thành miền châu thổ Bắc Bộ - quê hương buổi bình minh của dân tộc. Sự hình thành châu thổ là cả quá trình lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn biến hóa cảnh quan khác nhau, từ lúc còn là vịnh biển, chuyển qua vùng trũng đầm lầy, rồi mới đến đồng bằng.



### Miền vũng Hà Nội

Tam giác châu thổ Bắc Bộ có hình cái phễu bở đôi với bề mặt nghiêng từ Tây - Bắc xuống Đông - Nam. Mặt cắt ngang của nó giống như một chiếc vũng, vùng trũng giữa thấp hơn hai bên rìa. Dạng vũng này không chỉ là hình dạng trên bề mặt, mà còn phản ánh dáng dấp của cấu trúc móng tận 30 - 40 km dưới sâu mà ngành địa - vật lý đã xác định được. Bởi vậy, người ta gọi miền trũng châu thổ này là miền vũng Hà Nội.

Miền vũng Hà Nội là một vùng rất động về mặt địa chất kiến tạo, vì nó nằm trong vùng xung yếu của vỏ Trái đất. Vỏ Trái đất ở đây không những mỏng hơn các nơi khác, mà còn bị những đứt gãy sâu chia cắt. Hình dáng những đường đứt gãy này giống như những đường khâu liền, nên giới chuyên môn gọi chúng là đường khâu. Ngoài các đứt gãy dọc, còn có nhiều đứt gãy ngang chia cắt miền vũng Hà Nội, nên nó có dạng bậc thang - các bậc cao nằm ở phía tây - bắc và các bậc thấp nằm ở phía đông - nam.

Do nằm đúng trên trục của một vùng xung yếu, cho nên lãnh thổ Hà Nội là vùng có cường độ chuyển động lớn của vỏ Trái đất. Tại đây, các hoạt động kiến tạo lớn từng

diễn ra mạnh mẽ trong suốt quá trình địa chất từ hàng trăm triệu năm về trước và vẫn còn đang tiếp diễn.

Các đứt gãy sâu sông Hồng, sông Chảy cắt qua Hà Nội là những đường xung yếu đã gây ra những trận động đất mạnh. Biên niên sử đã ghi lại nhiều lần động đất tại Thăng Long: động đất năm 1016; năm 1017, điện Càn Nguyên sụp đổ; năm 1284, đất Thịnh Quang, Xã Đàn nứt toác; giữa những năm kháng chiến chống Nguyên - Mông (1277, 1278, 1285), có nhiều trận động đất mạnh làm cho núi lở, đất nứt, bia đá tháp Báo Thiên gãy làm đôi. Trong thế kỷ XX, Hà Nội nhiều lần xảy ra động đất cấp 6 và hai lần động đất cấp 7. Mặt đất xuất hiện những khe nứt sâu theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, trùng với hướng sông Hồng và cũng là hướng các đứt gãy sâu trong vỏ Trái đất.



Một điều dễ nhận thấy khi nhìn vào bản đồ địa thường trọng lực vùng Hà Nội, do các nhà địa - vật lý lập, là hình dạng thon, hơi kéo dài và nhô cao của móng cấu trúc sâu miền vũng Hà Nội. Chúng giống hình những con rồng đang uốn khúc mềm mại. Đó là những nơi vỏ Trái đất mỏng hơn nơi khác, chỉ dày khoảng 30 - 40 km. Mỗi lần rồng quấy lưng là một lần động đất. Lưng rồng chính là những đường đồng mức khép kín, biểu hiện những dải dị thường, vì trọng lực đá tăng mạnh do sự xâm nhập của các vật chất nóng chảy dưới vỏ Trái đất.

#### Vịnh biển Hà Nội

Đầu kỷ Đệ tam, cách nay khoảng 50 triệu năm, ở miền vũng Hà Nội, các đứt gãy sâu lại hoạt động mạnh, tạo thành một máng trũng nứt trên nền vũng trước đó. Vì vậy, các nhà địa chất gọi đây là máng trũng chổng gối. Các vùng đồi núi hai bên thì lại được nâng cao lên và bị xói mòn. Vật chất trôi theo nước chảy lấp dần vào đường máng, hết lớp này đến lớp khác, dày từ 1.000 đến 2.000m.

Lúc đầu, do vận động sụt lún mạnh mẽ ở máng đi đôi với vận động tạo sơn ở hai bên, vật chất xói mòn mạnh gồm toàn bộ cuội sỏi. Chúng trôi theo dòng nước xuống, tích tụ ở đáy máng. Về sau, vận động yếu dần, các dòng chảy trở nên êm đềm hơn, vì vậy, các lớp trầm tích gồm toàn những hạt nhỏ mịn. Sau nữa là thời kỳ tương đối bình ổn, điều kiện tốt để tích tụ than và dầu mỏ. Có những thời kỳ biển tiến vào đồng bằng, nên người ta gọi là Vịnh Hà Nội hoặc Phá Hà Nội.

Sang kỷ Đệ tứ, ở giai đoạn sớm cách nay khoảng 1 triệu đến 30 vạn năm, biển rút khỏi đồng bằng, đặc biệt ở những nơi có khối nâng lên, trong đó có vùng Hà Nội. Trầm tích lục địa thay thế trầm tích biển, đồng bằng bồi tích hình thành. Hệ thống sông Hồng vận chuyển phù sa bồi đắp lên trên trầm tích biển. Ở góc giữa gờ sông Hồng và gờ sông Đuống, người ta thấy vô số vết tích những dòng sông cổ, chứng tỏ sự phân nhánh rất nhiều của sông Hồng để tạo nên tam giác châu thổ Bắc Bộ. Do đó, trong các lỗ khoan ở vùng trũng, người ta thấy cuội sỏi xen với đất đỏ phủ lên trên trầm tích biển dày tới 150m nằm sâu dưới bề mặt đồng bằng hiện nay khoảng 50m.

Tiếp đến, khoảng 30 vạn năm trước, biển lại tiến, trùm phủ lên đồng bằng, để lại những tầng sét cao lanh, sét cát mịn chứa di tích các sinh vật của vùng biển ven bờ. Trong lỗ khoan ở Gia Lâm (cách sông Hồng 2,5km), trong tầng dày 50m của trầm tích, người ta thấy rõ hai lớp: lớp dưới trầm tích sét nhẹ hơn. Điều đó chứng tỏ rằng, có hai giai đoạn hoạt động của sông Hồng, mỗi giai đoạn đều có bước chuyển tiếp từ lúc sông chảy nhanh dữ dội, khi sỏi cát thô lắng đọng, đến lúc sông chảy tương đối êm đềm với sản phẩm hạt sét mịn lắng đọng. Còn tại lỗ khoan ở Cầu Giấy (trong khu vực Đại học Sư phạm) với độ sâu 48,9m, người ta thấy một lớp cát và bùn dày tới 20m; nói lên khá rõ quá trình hình thành trầm tích giác châu.

Xem xét địa tầng ở các lỗ khoan trên, có thể thấy rõ quy luật: bao giờ cũng có một tầng sỏi cát thô nằm phía dưới - đó là lòng sông cổ; phía trên là những tầng đất có hạt nhỏ dần đến mịn, chứa nhiều chất hữu cơ, đặc trưng cho trầm tích đầm hồ. Trong một cột địa tầng, nhịp trầm tích như trên có thể lặp đi lặp lại, phụ thuộc vào cường độ hoạt động của sông Hồng ở mỗi thời kỳ. Tầng trầm tích hạt mịn chứa sét phổ biến trên bề mặt các bãi bồi nói lên giai đoạn biển tiến cuối cùng cách nay trên 1 vạn năm.

### **Sưu tầm**

## Hà Thành thanh lịch

Người Thăng Long - Hà Nội sớm hình thành một tư chất tốt đẹp đầy chất lãng mạn: yêu nước đến trung kiên, thương người hơn cả thương thân, nhân ái bao dung trong cả vinh lẫn suy, trọng nghĩa trọng tài, ham học sớm thành danh, nho nhã lễ nghĩa gia giáo trong ứng xử, thanh tao trong thưởng ngoạn, tinh tế trong các sinh hoạt từ tinh thần đến vật chất: thẩm thơ văn, thẩm nhạc họa, đối ẩm chè rượu, thưởng ngoạn cảnh đẹp, tinh tế trong ẩm thực, tao nhã trong hội họa, trang phục, kiến trúc...

Thật vậy, nét thanh lịch của Thăng Long - Hà Nội đã có từ xa xưa, từ thời các vua Lý khởi nghiệp... Nét thanh lịch ấy đã tồn tại hàng ngàn năm nay trên những đồ ngự dụng mà các cuộc khảo cổ về Hoàng thành Thăng Long tìm được tại khu vực định xây nhà Quốc hội.



"Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch, cũng người Tràng An".

Người Tràng An thanh lịch từ vật dụng, áo quần đến nếp ăn, nếp nghĩ, cách đối nhân xử thế.

Sau khi có một cuộc thay đổi "tân thời" về quần áo, các bà, các chị Hà Nội không mặc mớ ba mớ bầy mà thường là dùng hai áo dài: áo bên ngoài màu thẫm bằng nhung, bằng gấm, áo bên trong mỏng màu nhạt hơn hoặc màu phấn hồng. Áo dài Hà Nội không khiếm nhường màu tím như Huế nhưng đủ độ lộng lẫy, kiêu sa của nhung the, gấm vóc đất cổ đô.

Con gái Hà Nội xưa nói khẽ, đi nhẹ. Tuy dạ, vâng không ngọt bằng con gái Huế nhưng vẫn giữ đủ nét e lệ của đất kinh kỳ bậc nhất.

Cô gái Hà Thành con nhà lành, giữ gìn ý tứ từ dáng đi, điệu ngò, nụ cười, ánh mắt,...

Các cụ ông Hà Nội xưa mũ phớt, ba-toong, cốt cách con nhà từ bước đi chậm rãi đến dáng ngò ung dung, uống chè, uống rượu nhẩn nha. Ngay cả các thư sinh người Hà Nội nhiều khi chỉ là "nhất bộ", nhưng luôn tươi tắn và không bao giờ mất đi phong thái hào hoa, phong nhã.

Chè uống đủ ấm, rượu uống đủ chén, người Thăng Long - Hà Nội không quá sa đà. Cái mực thước ấy thật đầy đủ trong các món ăn đặc sản Hà Thành. Phở Hà Nội không ngọt quá, không mặn quá. Bánh cuốn Thanh Trì vừa đủ độ mỏng, độ dẻo, độ giòn với nước chấm cà cuống vừa đủ độ thơm.

Người Hà Nội được hưởng tinh hoa của trăm miền đổ về, của bốn phương đưa tới. Cái thanh lịch của chí sĩ Bắc Hà là còn một tấm áo lụa, ra đường còn nho nhã; còn một đồng trong túi là không để mâm cơm đãi khách phải đạm bạc. Trước tiền bạc, vận may, người Hà Nội thường kiềm chế được những tham vọng có thể dễ làm cho con người mất nhân cách. Người Hà Nội không chỉ phù "thịnh" mà phù cả "suy". Hoạn nạn của bạn bè, trong hoạn nạn của giang san... biết bao thế hệ trẻ trai Thủ đô đã lên đường cứu nước.

Người Hà Nội coi học hành là quan trọng bậc nhất. Các tài năng, các nhà khoa học lớn của Hà Nội thường chiếm tỷ lệ cao trong các kỳ khoa bảng.

Hát ca trù (xưa là hát ả đào ở phố Khâm Thiên) cũng là một trong những thú vui tao nhã của những đấng mày râu. Hái lộc đầu xuân, thắp hương cúng giỗ, cúng Giao thừa, chúc tụng nhau, kiêng kỵ giữ gìn trong những ngày lễ Tết, đi đền chùa,... đều là những sinh hoạt tâm linh đầy tính thiện của người Hà Nội cũng như của nhiều tỉnh, thành trong cả nước./

### **Sưu tầm**

## Trang phục người Hà Nội

Trong kho tàng văn hóa dân gian có câu ngạn ngữ "ăn Bắc, mặc Kinh", để chỉ nét đẹp của người kinh đô Thăng Long từ xưa đến nay qua trang phục mang đậm dấu ấn Hà thành cổ kính, thanh lịch.



Chứng cứ khoa học cho thấy người Hà Nội biết cách ăn mặc đẹp từ thời Hùng Vương. Nhìn vào những hình trang trí trên trống đồng Cổ Loa (đào được trong lòng đất Cổ Loa, Đông Anh - Hà Nội) đã có thể hình dung được người Hà Nội khi đó trong trang phục ngày hội: đầu đội mũ có gắn lông chim, quần áo cũng làm bằng lông chim. Cũng có thể đó là hình những chiến binh đang cầm vũ khí, trên vũ khí lại được cắm lông chim vì chim dường như là vật tổ của cộng đồng người Việt cổ khi đó, hình ảnh này được miêu tả đáng yêu và phổ biến trên trống đồng. Cũng có cảnh đôi trai gái già gạo, người con trai được miêu tả như mặc khố chứ không phải mặc áo ngày hội. Hình ảnh trang phục còn được thể hiện hết sức sống động và duyên dáng nơi tượng người phụ nữ khắc họa trên cán dao gặt thời này: mặc áo chèn, bó gọn lưng ong, váy dài chấm gót, có nhiều hoa văn đẹp trên váy áo, thắt lưng ngang hông, đầu đội mũ cao, thắt dải ngang trán.

Trải qua hàng nghìn năm, cách ăn mặc của người Hà Nội cũng có sự thay đổi theo mỗi thời đại, nhưng vẫn giữ được nét thanh lịch. Trong các triều đại phong kiến, có thể có sự phân biệt giữa tầng lớp vua, quan và dân chúng. Nam giới thuộc tầng lớp bình dân trong trang phục lao động thường ngày, có thể vẫn là đóng khố, phù hợp với sản xuất cũng như thời tiết nóng ẩm. Nữ giới mặc váy cho đến thời Minh Mạng. Có thể nói trang phục bình dân không có sự thay đổi nhiều suốt gần hai ngàn năm. Tầng lớp quý tộc ở kinh đô

Thăng Long - Đông Đô thì trang phục khá cầu kỳ và được ghi chép rất kỹ càng trong sử sách, ví dụ:

Vào thời Lý, năm Canh Thìn (1040), vua xuống chiếu phát hết gấm vóc ở trong kho ra để may áo ban cho các quan, từ ngũ phẩm trở lên thì áo bào bằng vóc. (Đại Việt Sử ký toàn thư. Bản kỷ, quyển thứ hai, kỷ nhà Lý).

Vào thời Trần, năm Hưng Long thứ tám (1300), quy định kiểu mũ áo: Quan văn thì đội mũ chữ đỉnh màu đen, tụng quan thì đội mũ toàn hoa màu xanh vẫn như quy chế cũ, ống tay áo của các quan văn võ rộng 9 tấc đến 1 thước 2 tấc. Các quan văn võ không được mặc xiêm, tụng quan không được mặc thường (mũ toàn hoa xanh có 2 vòng vàng đính vào hai bên - Đại Việt Sử ký toàn thư, bản kỷ, quyển thứ năm, kỷ nhà Trần).



Từ thời Lê về sau, trang phục quý tộc có quy định chặt chẽ hơn dựa trên phẩm hàm: Các quan văn võ từ nhất phẩm đến tam phẩm thì áo: xuân, hạ dùng sa tàu; thu, đông dùng đoạn tàu; đều màu huyền; khăn: hàng văn thì hai tao (vòng), hàng võ thì một tao. Các quan tứ phẩm thì áo được dùng sa và đoạn nhưng bằng hàng ta. Các thị nội giám khăn bình đỉnh, sau đổi làm khăn lục lăng. Các quan văn võ và nội giám, được sung vào chấp sự, khi hành lễ và làm việc đều mặc áo thanh cát và đội mũ sa thâm. Quan văn khi vào hầu ở Nội các cũng vậy.

Người Hà Nội còn truyền tụng nhau nhiều ca dao, tục ngữ để ngợi ca vẻ đẹp con người được quần áo tôn thêm gấp bội. Vẻ đẹp của một người phụ nữ phải là:

"Khăng nhưng vấn tóc cho vừa

Đi giày mốt nhái, đeo hoa cánh bèo.

Quần thâm lĩnh Bưởi cạp điều

Hột vàng quần cổ ra chiều giàu sang".



Vẻ đẹp của các công tử con nhà giàu thị dân cũng đã có tiêu chí một thời:

"Thấy anh áo lượt xanh xang,  
Đồng hồ quả quít, nhẫn vàng đeo tay,  
Cái ô lục soạn cầm tay,  
Cái khăn xếp nếp, cái dây lưng điều".

Hay:

"Giày ban bóng láng nuốt nà,  
Khăn xếp chữ nhất, quần là nếp tư".

Người Hà Nội thời cận đại rất chú ý đến cách ăn mặc. Khâu đầu tiên là chọn lựa chất liệu của quần áo. Chất liệu may áo ưa chuộng, lúc đó là the mà phải là the dệt bằng tơ tằm, dệt thưa, nhuộm thâm, thường là the làng La Cả. Chất liệu may quần của nữ là lĩnh làng Bưởi mới là hàng tốt nhất, sợi mịn, mặt bóng. Quần của nam giới là lụa trắng làng Cổ Đô. Ngoài ra, một số chất liệu vải cao cấp cũng hay được dùng như: sa, xuyên, băng, là, xòì, đũi, nhiễu.... đều là sản phẩm của các làng nghề ở Hà Nội hay các tỉnh lân cận sản xuất. Một số hàng đặc biệt hơn dành cho vương hầu là đoạn, gấm, vóc,...

Thị dân các phố nghề, buôn bán, lao động thì ưa quần áo màu thâm, trắng và nâu. Quần áo nhuộm bằng củ nâu vừa bền màu vừa bền sợi. Phường Đồng Lâm có nghề nhuộm vải nâu nổi tiếng. Thiếu nữ mới lớn thích nhuộm màu nâu non để tôn thêm vẻ đẹp nước da trắng ngần. Các ông bà thì thích nhuộm màu tiết dê. Phường Hàng Đào lại có nghề nhuộm điều.

Thợ may Hà thành rất khéo tay, thể hiện ở những kiểu áo quần, áo tứ thân (4 thân) là một trong những loại áo phụ nữ cổ nhất mà nay được biết. Khi mặc, người ta còn có thắt lưng bao xanh duyên dáng kèm theo. Một vài trường hợp thực dụng hơn, người ta thắt một cái "ruột tượng: thay cho thắt lưng để đựng tiền và các thứ lặt vặt. Một số người còn đeo bên cạnh thắt lưng một chiếc xà tích bằng bạc đựng vôi ăn trầu. Có khi áo tứ thân còn thêm một vạt để cài khuy, thường là 5 khuy. Bên trong áo tứ thân là yếm trắng, yếm đào.

Đáng chú ý nhất trong trang phục phụ nữ là những tà áo dài. Áo dài có từ bao giờ cũng khó xác định, có thể đã hơn trăm năm, nhưng ngày nay trở thành trang phục đẹp nhất, tiêu biểu cho cách ăn mặc đậm đà tính dân tộc của phụ nữ Việt Nam. Tại nhiều hoạt động đối ngoại của đất nước, áo dài trở thành lễ phục không thể thiếu được.

Có thể chiếc áo dài Huế cùng với chiếc nón lá Huế chóp nhọn du nhập ra Hà Nội từ lâu, nhưng chỉ đến nửa đầu thế kỷ XX, áo dài mới được người Hà Nội tiếp nhận và cải tiến nhiều. Áo dài cũng từ đó trở thành trang phục gắn bó với phụ nữ thủ đô.

Nam giới mặc áo có 5 thân, cài khuy tét chỉ hay khuy đồng, khuy bạc, khuy ngọc. Mùa đông thì cả nam và nữ thường dùng áo bông.

Hà Nội trong nửa đầu thế kỷ XX có những phố nổi tiếng về bán vải như Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Vải. Các phố may quần áo nổi tiếng là Hàng Trống, Hàng Gai.

Bên cạnh trang phục, sự thanh lịch của người Hà Nội còn thể hiện ở nón mũ đội đầu. Đẹp nhất là nón làng Chuông, nhưng bộ quai thao làm duyên cho nón lại được làng Triều Khúc dệt. Vì thế, có câu ca:

"Hà Nội thì tét quai tua,

Có hai con bướm đậu vừa xung quanh".

Còn có nón mền giải, nón tam giang dành cho ông già, nón lá cho con nhà giàu, nón lá sen cho trẻ con, nón ba tầm.

Sau này, nhiều loại mũ cũng theo văn minh phương Tây vào Hà Nội. Có mũ cát, mũ lưỡi trai, mũ phớt, mũ nôi,...

Về mùa đông, về duyên dáng của nam thanh nữ tú còn được tô điểm thêm các loại khăn đội đầu hay quần cổ. Có khi là khăn nhiễu hay khăn nhung có thêm một đoạn độn tóc bằng vải để vấn quanh đầu. Sau này, các thiếu nữ Hà Nội thường có chiếc khăn san mỏng quần hồ quanh cổ để làm đẹp nhiều hơn là để ấm. Nam giới có loại khăn đầu rìu hay khăn xếp. Bên cạnh việc đi giày sau này, còn phổ biến hơn cả là các loại guốc tre, guốc gỗ, dép quai ngang, dép mũ cong hình lá đề.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, ngoài những trang phục đã trở thành lễ phục của cả nước như áo dài cho phụ nữ, áo vest, sơ mi, quần Tây cho nam giới, người Hà Nội còn sáng tạo ra muôn vàn một quần áo mới thích hợp với mọi tầng lớp nhân dân và cũng chịu ảnh hưởng của thời trang quốc tế. Hà Nội đã trở thành 1 trong 2 trung tâm thiết kế và biểu diễn thời trang lớn nhất nước.

### **Sưu tầm**

## Tiếng Hà Nội - Cho ngày nay, cho ngày mai, cho muôn đời sau

Chúng ta đang tiến rất gần tới mốc kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Có lẽ có rất ít thành phố lớn trên thế giới có lịch sử tới một ngàn tuổi như thủ đô Hà Nội. Và cũng rất ít thủ đô có nhiều bước thăng trầm, ẩn chứa nhiều nét văn hoá độc đáo như thành phố cổ kính này. Trong đó, ngôn ngữ - mà nói cụ thể hơn là lời ăn tiếng nói - của người Hà Nội xưa và nay là một yếu tố làm nên văn hoá, tinh hoa đặc sắc của văn hiến Việt Nam.



Vậy tiếng Hà Nội hôm qua thế nào và hôm nay ra sao? Cái cầu nối giữa truyền thống và hiện đại có giữ được trong câu ca dao cửa miệng đất Hà Thành: Chẳng thơm cũng thể hoa lài / Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An?

Phương ngữ Hà Nội: Có hay không?

Phương ngữ, là biến thể của ngôn ngữ toàn dân ở một địa phương, một vùng đất cụ thể. Quốc gia nào cũng có nhiều phương ngữ. Ở Việt Nam, các nhà chuyên môn đã chia ra 3 vùng chính: Phương ngữ Bắc Bộ, phương ngữ Trung Bộ, phương ngữ Nam Bộ. Vậy nếu nói phương ngữ Hà Nội là ta đã tiếp tục phân nhánh phương ngữ Bắc Bộ, vì Hà Nội cũng chỉ là một địa danh (dù là địa danh đặc biệt) của Bắc Bộ mà thôi. Nhưng chính điều khác biệt này mà nhiều nhà ngôn ngữ chỉ thừa nhận tiếng Hà Nội là một “siêu phương ngữ” do tính đa dạng, tổng hoà của nó. Là Thủ đô, Thăng Long - Hà Nội hội đủ các yếu tố của trăm vùng đất nước : con người, phong tục, sở thích, tiếng nói... Phồn hoa thứ nhất Long Thành / Phố giảng mắc cửi, đường quanh bàn cờ (ca dao). Cái hay, cái đẹp (và dĩ nhiên cả cái dở) muôn nơi đều có thể tìm thấy ở đây.

Đặc trưng của Kinh thành Thăng Long xưa là đặc trưng của một đô thị thương nghiệp và thủ công nghiệp. Mà về thương nghiệp, Thăng Long - Kẻ Chợ là một trung tâm thương mại sầm uất với “ba mươi sáu phố phường”. Ba mươi sáu phố, nhưng có cả trăm phố “hàng” lớn nhỏ (một hàng là một sản phẩm đặc thù): Hàng Buồm, Hàng Cháo, Hàng Chiếu, Hàng Khoai, Hàng Mắm, Hàng Thùng... Và về thủ công nghiệp, hơn một trăm làng nghề trải dài từ nội đô ra ngoại ô đã làm nên bức tranh đa dạng vào loại bậc nhất của nền sản xuất tự cấp, tự túc: Dệt vải, tơ lụa Nghi Tàm, Bưởi; Đúc đồng Ngũ Xã; Rèn Mai Dịch; Tranh Hàng Trống; Gốm Bát Tràng; Rượu Kẻ Mơ; Bánh cuốn Thanh Trì; Cốm Vòng; Trái cây Xuân Đỉnh; Đào Nhật Tân; Quất Nghi Tàm; Hoa Ngọc Hà; Rau thơm Láng; v. v. Chính sự phong phú của làng nghề đã tạo nên lớp từ vựng đa dạng nhiều màu trong giao lưu và thông thương buôn bán, với địa thế Kinh thành Thăng Long xưa “trên bến dưới thuyền”.

Sự khác biệt về mặt phương ngữ được căn cứ vào nhiều yếu tố: giọng nói (ngữ âm), vốn từ vựng và cách nói năng, ứng xử trong giao tiếp riêng (so với ngôn ngữ toàn dân). Mà ứng xử muốn chuẩn, muốn hay phải qua tiếp xúc, va chạm. Đất và người Thăng Long trăm hình nghìn vẻ. Chính thực tế đó đã điều chỉnh làm cho tiếng nói của người xứ Kinh Bắc trở thành tiêu biểu, mẫu mực và rất giàu truyền thống văn hoá.

Hay như tiếng Hà Nội

Rất nhiều du khách thập phương (kể cả du khách ngoại quốc) đều nhận định : Cùng với nét đẹp ngoại hình (hình thể, trang phục...), giọng nói người Hà Nội có một giọng nói rất quyến rũ. Nghe tiếng nói, người ta cảm nhận các thiếu nữ Hà thành nhẹ nhàng, dễ thương, đáng yêu hơn. Không chắc nặng như tiếng miền Trung, cũng không khác biệt quá xa về từ ngữ (đến mức khó nghe) như ở một vài nơi khác, tiếng Hà Nội phát âm “chuẩn” hơn. Cấu trúc âm tiết tiếng Hà Nội hợp với tiếng Việt chuẩn, có đầy đủ 6 thanh điệu (không, huyền, sắc, hỏi ngã nặng, chỉ thiếu 3 âm quặt lưỡi là [r], [s], [tr]) đã giúp cho mọi người ở các nơi khác đến dễ nghe, dễ hiểu. Nhưng trong cái “dễ thương” cần có, thì chất giọng chỉ giữ một vị trí nhất định. Cái quan trọng gây thiện cảm nhất đối với người nghe là cách nói năng, ứng xử hợp lí của người đối thoại trong các bối cảnh giao tiếp khác nhau.

Cũng là một hành vi cảm ơn, nhưng lúc nào nói “cho tôi xin”, “tôi cảm ơn”, “không dám, anh chu đáo quá”,... là một vấn đề của phong cách. Người Hà Nội từ xưa đã rất lịch lãm trong ăn nói, thưa gửi. Trong các sách về phong tục Hà Nội, ta thấy cách nói năng của mỗi tầng lớp có khác nhau: gia đình Nho phong gia giáo, gia đình giàu có tầng lớp trên, đối tượng buôn bán... A. G. Haudricourt một học giả người Pháp chuyên gia nghiên cứu về tiếng Việt đã rất chí lí khi nói rằng “Nền tảng ngôn ngữ một cộng đồng hình thành không phải từ một đời mà phải qua năm bảy đời mới có được”.